

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/KDTM-ST
Ngày: 20-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Anh Thư

2. Ông Tống Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 67/2022/TLST-KDTM ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty S.

Địa chỉ: khu công nghiệp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1989 và/hoặc bà Tạ Thị Như Q, sinh năm 1992; địa chỉ liên lạc: Phường 13, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 23/5/2022). (có mặt)

- Bị đơn: Công ty L.

Địa chỉ: khu phố B, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp 1, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch kiêm giám đốc công ty). (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/6/2021, Công ty S (sau đây viết tắt là Công ty S) và Công ty L (sau đây viết tắt là Công ty L) ký hợp đồng mua bán, trong đó Công ty S là bên bán (bên A), Công ty L là bên mua (bên B), với các nội dung cơ bản như sau: Đối tượng mua bán: mút xốp; Thông số kỹ thuật, đơn giá: theo từng bảng báo giá và đơn đặt hàng theo đợt; Phương thức thanh toán: Công ty S chốt công nợ và gửi cho Công ty L vào cuối mỗi tháng. Công ty L thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày Công ty S xuất hóa đơn VAT (hoá đơn giá trị gia tăng, sau đây viết tắt là GTGT) cho Công ty L. Chậm thanh toán quá 15 ngày, Sinomax có quyền chấm dứt Hợp đồng; Thời hạn hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/6/2021 đến ngày 01/6/2022.

Từ tháng 07/2021 đến tháng 12/2021, Công ty L thực hiện việc đặt hàng và Công ty S thực hiện việc giao hàng, xuất hóa đơn cho Công ty L. Tuy nhiên, Công ty L không thực hiện việc thanh toán cho các Hóa đơn GTGT số 0000077 ngày 31/07/2021, Hóa đơn GTGT số 0000365 ngày 30/10/2021 và Hóa đơn GTGT số 0000622 ngày 30/12/2021 với tổng số tiền hàng sau thuế là: 1.396.075.764 đồng.

Ngày 09/3/2022, Công ty L ký Đơn cam kết thanh toán công nợ, trong đó Công ty L cam kết thanh toán số công nợ trên thành 03 đợt như sau: Đợt 01: Trước ngày 20/3/2022 thanh toán 200.000.000 đồng; Đợt 02: Trước 20/4/2022 thanh toán 300.000.000 đồng; Đợt 03: Trước 20/5/2022 thanh toán số tiền còn lại là: 896.075.764 đồng. Tuy nhiên, Công ty L không thực hiện việc thanh toán như các cam kết đã ký.

Ngày 23/5/2022, Công ty S gửi văn bản cho Công ty L đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Công ty L đối với Công ty S theo Hợp đồng mua bán ngày 01/6/2021 nói trên. Tuy nhiên, hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày Công ty L nhận được văn bản nhưng Công ty S không nhận được bất cứ khoản thanh toán nào cho số tiền còn nợ 1.396.075.764 đồng theo các Hóa đơn GTGT số 0000077 ngày 31/07/2021, Hóa đơn GTGT số 0000365 ngày 30/10/2021 và Hóa đơn GTGT số 0000622 ngày 30/12/2021.

Nay, Công ty S khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên tỉnh Bình Dương giải quyết cho Công ty S những yêu cầu sau: Yêu cầu Công ty L thanh toán khoản tiền hàng chưa thanh toán theo các Hóa đơn GTGT số 0000077 ngày 31/07/2021, Hóa đơn GTGT số 0000365 ngày 30/10/2021 và Hóa đơn GTGT số 0000622 ngày 30/12/2021 là: 1.396.075.764 đồng. Yêu cầu Công ty L thanh toán khoản tiền lãi nợ quá hạn theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tạm tính là 13%/năm trên số tiền chậm thanh toán là 1.396.075.764

đồng, tạm tính đến 28/05/2022 với số tiền là 94.374.815 đồng. Tổng số tiền Công ty S yêu cầu Công ty L thanh toán là 1.490.450.579 đồng.

- *Bị đơn trình bày:*

Bị đơn thống nhất về thời gian, nội dung hợp đồng và số tiền còn nợ theo ý kiến trình bày của phía nguyên đơn.

Ngày 01/6/2021, Công ty S và Công ty L ký Hợp đồng mua bán. Từ tháng 7/2021 đến tháng 12/2021, Công ty L thực hiện việc mua hàng theo hợp đồng và Công ty S đã xuất hoá đơn cho Công ty L. Công ty L xác nhận còn chưa thanh toán cho Công ty S số tiền hàng theo các Hóa đơn GTGT số 0000077 ngày 31/07/2021, Hóa đơn GTGT số 0000365 ngày 30/10/2021 và Hóa đơn GTGT số 0000622 ngày 30/12/2021 với tổng số tiền hàng sau thuế là: 1.396.075.764 đồng.

Ngày 09/3/2022, Công ty L và Công ty S ký Đơn cam kết thanh toán công nợ, trong đó Công ty L cam kết thanh toán số công nợ trên thành 03 đợt như sau: Đợt 01: Trước ngày 20/03/2022 thanh toán 200.000.000 đồng; Đợt 02: Trước 20/04/2022 thanh toán 300.000.000 đồng; Đợt 03: Trước 20/05/2022 thanh toán số tiền còn lại là: 896.075.764 đồng. Tuy nhiên, do tình hình kinh tế gặp khó khăn, các đối tác không thực hiện việc thanh toán nên Công ty L chưa thực hiện việc thanh toán như cam kết đã ký.

Cuối tháng 6/2022, Công ty L đã thanh toán cho Công ty S số tiền 110.000.000 đồng, hiện còn nợ số tiền 1.286.075.764 đồng.

Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty S thì Công ty L đồng ý thanh toán khoản tiền hàng chưa thanh toán theo các Hóa đơn GTGT số 0000077 ngày 31/07/2021, Hóa đơn GTGT số 0000365 ngày 30/10/2021 và Hóa đơn GTGT số 0000622 ngày 30/12/2021 còn lại là: 1.286.075.764 đồng, đối với số tiền lãi theo Công ty S yêu cầu là 13%/năm trên số tiền chậm thanh toán là 1.396.075.764 đồng, tạm tính đến 28/5/2022 với số tiền là 94.374.815 đồng thì phía Công ty L không đồng ý. Do trong hợp đồng hai bên không có thỏa thuận về việc phải trả lãi chậm thanh toán, bên Công ty S cũng không có yêu cầu Công ty L phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định trong quá trình giải quyết vụ án thì phía Công ty L đã thanh toán cho Công ty S thêm 04 lần với tổng số tiền là 310.000.000 đồng nên xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 310.000.000 đồng, chỉ yêu cầu Công ty L thanh toán số tiền nợ gốc là 1.086.075.764 đồng và tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 13%/năm tính từ ngày 15/9/2021 đến ngày xét xử với số tiền 145.929.151 đồng, tổng cộng là 1.232.004.915 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty L đồng ý trả nợ gốc là 1.086.075.764 đồng và ½ số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty L thanh toán tổng số tiền 1.490.450.579 đồng phát sinh từ hợp đồng mua bán mứt xốp giữa Công ty S và Công ty L. Bị đơn Công ty L có trụ sở tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 310.000.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn tự nguyện. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự thừa nhận: Ngày 01/6/2021, Công ty S và Công ty L ký Hợp đồng mua bán. Từ tháng 7/2021 đến tháng 12/2021, Công ty L thực hiện việc mua hàng theo hợp đồng và xác nhận còn chưa thanh toán cho Công ty S số tiền hàng theo các Hóa đơn GTGT số 0000077 ngày 31/07/2021, Hóa đơn GTGT số 0000365 ngày 30/10/2021 và Hóa đơn GTGT số 0000622 ngày 30/12/2021. Công ty L xác nhận còn nợ Công ty S số tiền 1.086.075.764 đồng. Đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi đối chiếu công nợ, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại 2005. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 1.086.075.764 đồng là có cơ sở. Tại phiên tòa, bị đơn thống nhất thanh toán cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu tiền lãi chậm trả: Công ty S yêu cầu Công ty L thanh toán tiền lãi chậm trả tính từ ngày 15/9/2021 đến ngày 20/9/2022 với mức

lãi suất 13%/năm là: 145.929.151 đồng. Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”. Như đã phân tích ở phần trên do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở. Tại phiên tòa, bị đơn chỉ đồng ý thanh toán cho nguyên đơn ½ số tiền lãi chậm trả nhưng phía nguyên đơn không thống nhất. Xét thấy, tại thời điểm xét xử (ngày 20/9/2022) mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 14,8%/năm (mức lãi suất nợ quá hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 15%/năm, tại Ngân hàng TMCP An Bình 13,65%/năm, tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là 15,75%/năm). Nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 13%/năm tính từ ngày 15/9/2021 đến ngày 20/9/2022 với số tiền 145.929.151 đồng là mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng số tiền Công ty L phải thanh toán cho Công ty S là 1.232.004.915 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên là phù hợp.

[5] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Do đó, căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Công ty L phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 1.232.004.915 đồng, tương đương số tiền án phí: 48.960.147 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 55, 301, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty S về việc yêu cầu bị đơn Công ty L thanh toán số tiền 310.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty S đối với bị đơn Công ty L về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Công ty L có trách nhiệm thanh toán cho Công ty S tổng số tiền 1.232.004.915 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 1.086.075.764 đồng, tiền lãi là 145.929.151 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty L phải nộp số tiền 48.960.147 đồng. Hoàn trả cho Công ty S số tiền 28.357.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006066 ngày 11/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- CCTHADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung